Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2709.00.20

Mã HS	2709.00.20
Mô tả hàng hóa	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, ở dạng thô / - Condensate
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	07/11/2026 09:07:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/27090020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3280
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3 (0% từ 09/3-30/4 theo NĐ72)	3% (0% từ 09/3-30/4 theo NĐ72)	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3280
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q3280
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3280
Thuế XK ưu đãi CPTPP	10	10%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM3280
Thuế XK ưu đãi EVFTA	10	10%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP3280
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	10	10%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS3280

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục B)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục D)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục E)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục F)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E3274
ATIGA	2022	2022	5	AT!E3235
ATIGA	2023	2023	5	AT!F3235
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3235
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3235
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3235
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3235
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E3273
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F3273

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G3273
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H3273
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I3273
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J3273
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E3277
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F3277
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G3277
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H3277
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I3277
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J3277
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F3277
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H3241
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F3237
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G3237
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H3237
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I3237
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J3237
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K3237
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3237
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3237
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3237
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3237
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3237
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3237
VCFTA	2022	2022	*	VC!D3284
VCFTA	2023	2023	*	VC!E3284

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	*	VC!F3284
VCFTA	2025	2025	*	VC!G3284
VCFTA	2026	2026	*	VC!H3284
VCFTA	2027	2027	*	VC!I3284
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3281
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3281
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3281
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3281
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3281
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3281
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D3289
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E3289
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F3289
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G3289
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H3289
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I3289
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3260
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3260
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3260
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3260
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3260
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3260
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3262
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3262
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3262
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3262

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3262
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3262
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3258
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3258
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3258
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3258
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3258
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3258
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3258
RCEP A	2022	2022	3	RCEPT-A!D3281
RCEP A	2023	2023	3	RCEPT-A!E3281
RCEP A	2024	2024	3	RCEPT-A!F3281
RCEP A	2025	2025	3	RCEPT-A!G3281
RCEP A	2026	2026	3	RCEPT-A!H3281
RCEP A	2027	2027	3	RCEPT-A!I3281
RCEP B	2022	2022	*	B!D3281
RCEP B	2023	2023	*	B!E3281
RCEP B	2024	2024	*	B!F3281
RCEP B	2025	2025	*	B!G3281
RCEP B	2026	2026	*	B!H3281
RCEP B	2027	2027	*	B!I3281
RCEP C	2022	2022	*	C!D3281
RCEP C	2023	2023	*	C!E3281
RCEP C	2024	2024	*	C!F3281
RCEP C	2025	2025	*	C!G3281
RCEP C	2026	2026	*	C!H3281

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	*	C!I3281
RCEP D	2022	2022	*	D!D3281
RCEP D	2023	2023	*	D!E3281
RCEP D	2024	2024	*	D!F3281
RCEP D	2025	2025	*	D!G3281
RCEP D	2026	2026	*	D!H3281
RCEP D	2027	2027	*	D!I3281
RCEP E	2022	2022	*	E!D3284
RCEP E	2023	2023	*	E!E3284
RCEP E	2024	2024	*	E!F3284
RCEP E	2025	2025	*	E!G3284
RCEP E	2026	2026	*	E!H3284
RCEP E	2027	2027	*	E!I3284
RCEP F	2022	2022	*	F!D3281
RCEP F	2023	2023	*	F!E3281
RCEP F	2024	2024	*	F!F3281
RCEP F	2025	2025	*	F!G3281
RCEP F	2026	2026	*	F!H3281
RCEP F	2027	2027	*	F!I3281
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F3023
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G3023
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H3023
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I3023

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Xăng dầu (41/2019/TT-BCT)		41/2019/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-008	YELLOW	Thuế suất MFN có ghi chú điều kiện/thời hạn	Ô thuế suất “3 (0% từ 09/3-30/4 theo NĐ72)” có ghi chú: 0% từ 09/3-30/4 theo NĐ72.		26/2023/NĐ-CP	Kiểm tra điều kiện và thời hạn áp dụng tại văn bản 26/2023/NĐ-CP.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 3%, VN-LAO 3%, AANZFTA 5%, ACFTA 5%, AKFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (3%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 3%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2709.00 có 3 dòng thuế; dòng 2709.00.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Condensate.	2709.00.10 Dầu mỏ thô; 2709.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Dầu mỏ và dầu thu được từ khoáng bitum, ở dạng thô. Gồm: dầu mỏ thô; Condensate và dầu thô loại khác (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2709.00.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% (0% từ 09/3-30/4 theo NĐ72) của mã 2709.00.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3280), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)
Xăng dầu (41/2019/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.